

## 1. MỤC TIÊU

**1.1. Kiến thức.** Học sinh ôn tập kiến thức có nội dung sau:

Bài 5. Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

Bài 6. Dân số Việt Nam

Bài 7. Lao động và việc làm

Bài 8. Đô thị hoá

Bài 10. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

**1.2. Kỹ năng:** Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Kỹ năng đọc Átlat

- Kỹ năng nhận xét biểu đồ, bảng số liệu và nhận diện biểu đồ

- Kỹ năng tính toán bài tập địa lí.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Bảng năng lực và cấp độ tư duy.

| TT          | Nội dung kiến thức hoặc năng lực môn học                                 | Mức độ nhận thức |            |          |              |
|-------------|--|------------------|------------|----------|--------------|
|             |  | Nhận biết        | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1           | Bài 5. Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường | 2                | 2          | 1        |              |
| 2           | Bài 6. Dân số Việt Nam   | 2                | 1          | 1        |              |
| 3           | Bài 7. Lao động và việc làm  | 2                | 1          |          | 1            |
| 4           | Bài 8. Đô thị hoá  | 2                | 1          |          | 1            |
| 5           | Bài 10. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế                                       | 1                | 1          | 1        | 1            |
| 6           | Kỹ năng tính toán, nhận xét biểu đồ                                      | 3                | 2          | 1        | 1            |
| <b>Tổng</b> |  | <b>12</b>        | <b>8</b>   | <b>4</b> | <b>4</b>     |

### 2.2. Câu hỏi và bài tập minh họa

#### \* Nhận biết

**Câu 1.** Biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta là

A. đẩy mạnh trồng rừng.

B. quy định việc khai thác.

C. quy hoạch dân cư.

D. xây hồ thủy điện.

**Câu 2.** Việc khai thác gỗ ở nước ta chỉ được tiến hành ở

A. rừng sản xuất.

B. rừng phòng hộ.

C. các khu bảo tồn.

D. vườn quốc gia.

**Câu 3.** Vùng núi nước ta thường xảy ra

A. ngập mặn.

B. sóng thần.

C. xói mòn.

D. cát bay.

**Câu 4.** Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đông Nam Bộ.

**Câu 5.** Mức gia tăng dân số của nước ta có xu hướng giảm chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

A. Tuyên truyền, giáo dục chính sách về dân số.

B. Dân số nước ta đang có xu hướng già hóa nhanh.

C. Kết quả của chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

D. Ảnh hưởng của việc nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 6. :** Dân số nước ta tăng nhanh, đặc biệt vào nửa cuối thế kỉ XX, đã dẫn đến hiện tượng

A. bùng nổ dân số.

B. ô nhiễm môi trường.

C. già hóa dân cư.

D. tăng trưởng kinh tế chậm.

**Câu 7. :** Lao động nước ta hiện nay

A. làm việc ngày càng đông trong dịch vụ.

B. chủ yếu tham gia các nghề truyền thống.

C. có trình độ tay nghề tương đương nhau.

D. chưa được nâng cao trình độ ngoại ngữ.

**Câu 8.** Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

- A. khôi phục các nghề thủ công.
- B. tiến hành thâm canh, tăng vụ.
- C. phát triển kinh tế hộ gia đình.
- D. khai hoang mở rộng diện tích.

**Câu 9.** Lao động nước ta hiện nay

- A. làm nhiều nghề, số lượng nhỏ.
- B. có số lượng đông, tăng nhanh.
- C. có tác phong công nghiệp cao.
- D. tập trung chủ yếu ở thành thị.

**Câu 10.** Đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh.
- B. cơ sở hạ tầng đô thị hiện đại.
- C. đô thị đều có quy mô rất lớn.
- D. có nhiều loại đô thị khác nhau.

### \* Thông hiểu

**Câu 1.** Biểu hiện tính đa dạng cao của sinh vật tự nhiên ở nước ta là

- A. loài, hệ sinh thái, gen.
- B. gen, hệ sinh thái, loài thú.
- C. loài thú, hệ sinh thái.
- D. loài cá, gen, hệ sinh thái.

**Câu 2.** Biện pháp mở rộng rừng đặc dụng ở nước ta là

- A. trồng rừng lấy gỗ.
- B. khai thác gỗ củi.
- C. lập vườn quốc gia.
- D. trồng rừng tre nứa.

**Câu 3.** Đặc điểm dân số nước ta hiện nay

- A. nhiều thành phần dân tộc, quy mô giảm.
- B. cơ cấu dân số trẻ, gia tăng tự nhiên cao.
- C. dân cư phân bố không đều giữa các vùng.
- D. dân số thành thị thấp hơn so với nông thôn.

**Câu 4.** Dân số nước ta

- A. gia tăng rất chậm, cơ cấu rất trẻ.
- B. chủ yếu tập trung sống ở đô thị.
- C. phân bố đồng đều khắp cả nước.
- D. đông, nhiều thành phần dân tộc.

**Câu 5.** Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

- A. chuyên môn hóa, nâng cao trình độ lao động.
- B. công nghiệp hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. hiện đại hóa, thu hút nguồn đầu tư nước ngoài.
- D. đô thị hóa, phát triển mạnh hoạt động dịch vụ.

**Câu 6.** Thu nhập của dân cư nông thôn ở nước ta ngày càng cao chủ yếu do

- A. tăng cường cơ giới hoá và hiện đại hóa tư liệu sản xuất.
- B. đa dạng hoạt động sản xuất và lao động làm việc cần cù.
- C. tăng cường cơ giới hoá và đa dạng hóa ngành sản xuất.
- D. có nhiều kinh nghiệm và truyền thống sản xuất lâu đời.

**Câu 7.** Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do

- A. cơ sở hạ tầng đô thị phát triển.
- B. quá trình công nghiệp hóa.
- C. gia tăng dân số tự nhiên ở thành thị cao.
- D. di dân từ nông thôn ra thành thị.

**Câu 8.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay

- A. chỉ hình thành các khu kinh tế ven biển.
- B. làm thay đổi tỉ trọng các ngành kinh tế.
- C. tập trung những ngành có hiệu quả thấp.
- D. không có quan hệ với công nghiệp hóa.

**Câu 9.** Ngành chăn nuôi nước ta hiện nay có sự thay đổi theo hướng gia tăng các sản phẩm qua chế biến, có nguồn gốc rõ ràng nhằm mục đích chủ yếu là

- A. đảm bảo an toàn, tăng nguồn đầu tư.
- B. phục vụ xuất khẩu, tạo thương hiệu.
- C. mở rộng trang trại, phát triển thú y.
- D. đáp ứng thị trường, nâng cao giá trị.

**Câu 10.** Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững thể hiện ở

- A. tốc độ tăng trưởng cao và bảo vệ môi trường.
- B. nhịp độ tăng trưởng cao và có cơ cấu kinh tế hợp lí.
- C. cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch hợp lí.
- D. nhịp độ tăng trưởng cao và ổn định.

### \* Vận dụng

**Câu 1.** Biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở vùng đồng bằng nước ta **không** phải là

- A. tiến hành canh tác nông lâm kết hợp.
- B. phát triển mạng lưới thủy lợi.
- C. sử dụng các chế phẩm sinh học.
- D. bón phân hữu cơ trong trồng trọt.

**Câu 2.** Cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta đang có sự biến đổi nhanh chóng chủ yếu do

- A. kinh tế phát triển, tâm lí xã hội và phong tục tập quán được duy trì.

- B. thành tựu trong văn hóa, giáo dục và y tế, tuổi thọ trung bình tăng.
- C. kết quả của chính sách dân số, đời sống ngày càng được nâng cao.
- D. tuổi thọ trung bình tăng, thành tựu trong y tế và xóa đói giảm nghèo.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Nông nghiệp nước ta được định hướng sẽ đi lên sản xuất lớn hiện đại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn là điều tất yếu, đòi hỏi phải có sự chuyển dịch tương ứng của lao động. Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn là quá trình tạo tiền đề và có vai trò quyết định hiệu quả của sự chuyển biến này.

- a) Tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn nước ta còn cao, nhưng đang có xu hướng giảm xuống.
- b) Nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn là do tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp.
- c) Việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa làm tỷ lệ thất nghiệp tăng.
- d) Để tăng thời gian lao động, sử dụng triệt để thời gian nhàn rỗi ở nông thôn thì giải pháp cần thực hiện là đẩy mạnh xây dựng các khu công nghiệp, phát triển làng nghề.

**Câu 4.** Tỷ lệ dân thành thị tăng nhanh trong những năm gần đây do

- A. kết quả của việc di dân tự do từ nông thôn ra thành thị.
- B. tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở thành thị cao hơn nông thôn.
- C. sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế và quy hoạch, mở rộng đô thị.
- D. cơ sở hạ tầng đô thị phát triển cao so với khu vực và thế giới.

**Câu 5.** Vấn đề có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước là

- A. ưu tiên công nghiệp công nghệ cao.
- B. ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- C. khai thác lãnh thổ theo chiều rộng.
- D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 6** Sự phân hóa sản xuất giữa các vùng ở nước ta chủ yếu do khác nhau về

- A. việc phát huy thế mạnh và tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. tăng cường chất lượng nguồn lao động và hội nhập quốc tế.
- C. thế mạnh về tự nhiên và khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- D. tăng số lượng và mở rộng quy mô kho công nghiệp tập trung.

**Câu 7.** Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2012 - 2021 (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)

| Khu vực                                   | Năm    |        |        |        |
|---|--------|--------|--------|--------|
|   | 2012   | 2015   | 2020   | 2021   |
| <b>Tổng số</b>                            | 4073,8 | 5191,3 | 8044,4 | 8479,7 |
| <b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>       | 659,9  | 751,4  | 1018   | 1065,1 |
| <b>Công nghiệp và xây dựng</b>            | 1460,9 | 1778,9 | 2955,8 | 3177,9 |
| <b>Dịch vụ</b>                            | 1593,6 | 2190,4 | 3365,1 | 3494,3 |
| <b>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</b> | 359,4  | 470,6  | 705,5  | 742,4  |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

- a) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2012 - 2021.
  - b) Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản luôn có giá trị nhỏ nhất và xu hướng giảm tỉ trọng.
  - c) Cơ cấu GDP của nước ta chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ.
  - d) Để thể hiện cơ cấu GDP của nước ta giai đoạn 2012 - 2021, biểu đồ cột, tròn, miền là thích hợp.
- Câu 8.** Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê Việt Nam: Năm 2021, qui mô GDP của nước ta theo ngành kinh tế 7 592 323 tỉ đồng, trong đó khu vực công nghiệp, xây dựng là 2 955 806 tỉ đồng. Hãy tính tỉ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng năm 2021. ( Kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2022 (Đơn vị: Nghìn người)

| Năm              | 2015     | 2017     | 2020     | 2022     |
|------------------|----------|----------|----------|----------|
| <b>Thành thị</b> | 16 913,8 | 17 416,1 | 18 171,9 | 19 211,9 |
| <b>Nông thôn</b> | 37 352,2 | 37 403,5 | 36 671,0 | 32 493,3 |

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

- a) Lao động từ 15 tuổi trở lên ở cả thành thị và nông thôn nước ta đều tăng liên tục.
- b) Lao động ở khu vực thành thị tăng nhanh và tăng nhiều hơn lao động ở nông thôn.
- c) Tỷ lệ lao động thành thị tăng, lao động nông thôn giảm do quá trình đô thị hóa.
- d) Để thể hiện quy mô lao động thành thị và nông thôn, biểu đồ kết hợp thích hợp nhất.

**Câu 10.** Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2021**

*(Đơn vị: nghìn người)*

| Tỉnh   | Thái Bình | Phú Yên | Kom Tum | Đông Tháp |
|--------|-----------|---------|---------|-----------|
| Số dân | 1793      | 910     | 535     | 1 993     |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2022)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô dân số của một số tỉnh nước ta, năm 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Kết hợp.
- C. Cột.
- D. Tròn.

**\* Vận dụng cao**

**Câu 1.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho đất đai nước ta dễ bị suy thoái là do

- A. Địa hình đồi núi thấp, mưa lớn và tập trung theo mùa.
- B. Chế độ mưa phân hóa theo mùa, độ dốc của địa hình.
- C. Nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi.
- D. Địa hình nhiều đồi núi, đất đá vụn bở và dễ bóc mòn.

**Câu 2.** Tây Bắc có mật độ dân số thấp hơn so với Đông Bắc chủ yếu do

- A. địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, lịch sử khai thác muộn.
- B. nhiều thiên tai, địa hình hiểm trở, có ít tài nguyên khoáng sản.
- C. nền kinh tế còn lạc hậu, địa hình hiểm trở, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo.
- D. khí hậu khắc nghiệt, nhiều thiên tai, là địa cư trú của nhiều dân tộc ít người.

**Câu 3.** Tại sao vấn đề quan trọng hàng đầu đối với vùng kinh tế là chuyên môn hóa sản xuất?

- A. Phát huy thế mạnh của từng vùng, phân hóa sản xuất giữa các vùng trong nước.
- B. Đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, môi trường và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. Mang lại giá trị cao về kinh tế và phát huy những thế mạnh của vùng kinh tế.
- D. Phát huy thế mạnh của vùng, đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, môi trường.

**Câu 4. :** Nguyên nhân làm chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế ở nước ta chủ yếu là do

- A. nền kinh tế nước ta đang ngày càng hội nhập toàn cầu.
- B. nước ta đang phát triển kinh tế thị trường.
- C. quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- D. Nền kinh tế thị trường và hội nhập toàn cầu.

**Câu 5:** Cho bảng số liệu:

**GDP của nước ta giai đoạn 2010 - 2020** *(Đơn vị : tỉ đồng)*

| Năm                                | 2010      | 2015      | 2018      | 2020      |
|------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Nông nghiệp,lâm nghiệp, thủy sản   | 421 253   | 489 989   | 535 022   | 565 987   |
| Công nghiệp,xây dựng               | 904 775   | 1 77 887  | 2 561 274 | 2 955 806 |
| Dịch vụ                            | 1 113 126 | 2 190 376 | 2 955 777 | 3 365 060 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 300 869   | 470 631   | 629 411   | 705 470   |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

Cho biết tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp, xây dựng năm 2020 so với năm 2010 cao hơn tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ bao nhiêu % ? *(làm tròn đến 1 chữ số thập phân)*

**2.3. Đề minh họa**

|   |  |
|---|--|
| <b>SỞ GIÁO DỤC &amp; ĐÀO TẠO HÀ NỘI</b><br><b>TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ</b><br><br><b>ĐỀ MINH HỌA</b><br><b>Mã đề : .....</b> | <b>ĐỀ THI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2024 - 2025</b><br><b>Môn: ĐỊA LÍ - LỚP 12</b><br><b>Ngày thi:.....</b><br><b>Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)</b> |
|---|--|

**Họ, tên học sinh:**.....**Lớp:**.....

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. HS trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi HS chỉ chọn một phương án. (4,5 điểm)**

**Câu 1.** Việc khai thác gỗ ở nước ta chỉ được tiến hành ở

- A. rừng sản xuất.      B. rừng phòng hộ.      C. các khu bảo tồn.      D. vườn quốc gia.

**Câu 2.** Sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta **không** có biểu hiện nào dưới đây?

- A. Thảm thực vật bị tàn phá.      B. Hệ sinh thái.  
C. Số lượng loài.      D. Nguồn gen quý hiếm.

**Câu 3.** Ở nước ta, ô nhiễm không khí tại các khu công nghiệp, khu vực sản xuất, kinh doanh là do

- A. khói bụi.      B. khí thải.      C. đốt rơm, rạ.      D. nước thải.

**Câu 4. :** Nguyên nhân chủ yếu làm cho mức sống của các dân tộc còn chênh lệch là

- A. các dân tộc khác nhau về văn hóa, phong tục tập quán.  
B. sự phân bố tài nguyên không đồng đều giữa các vùng.  
C. trình độ sản xuất của các dân tộc ở nước ta khác nhau.  
D. do lịch sử định cư của các dân tộc ở nước ta mang lại.

**Câu 5.** Dân cư nước ta hiện nay

- A. cơ cấu dân số trẻ, ít biến động theo nhóm tuổi.      B. gia tăng dân số cao, phân bố đều giữa các vùng.  
C. phân bố không đều, tập trung chủ yếu ven biển.      D. còn tăng nhanh, quy mô dân số ngày càng lớn.

**Câu 6.** Tây Bắc có mật độ dân số thấp hơn so với Đông Bắc chủ yếu do

- A. địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, lịch sử khai thác muộn.  
B. nhiều thiên tai, địa hình hiểm trở, có ít tài nguyên khoáng sản.  
C. nền kinh tế còn lạc hậu, địa hình hiểm trở, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo.  
D. khí hậu khắc nghiệt, nhiều thiên tai, là địa cư trú của nhiều dân tộc ít người.

**Câu 7.** Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

- A. khôi phục các nghề thủ công.      B. tiến hành thâm canh, tăng vụ.  
C. phát triển kinh tế hộ gia đình.      D. khai hoang mở rộng diện tích.

**Câu 8.** Lao động nước ta hiện nay

- A. phân bố đồng đều giữa nông thôn và thành thị.      B. tình trạng thất nghiệp được giải quyết triệt để.  
C. có sự thay đổi tỉ lệ giữa các khu vực kinh tế.      D. có năng suất tăng cao ngang khu vực Đông Á.

**Câu 9.** Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh trong những năm gần đây do

- A. kết quả của việc di dân tự do từ nông thôn ra thành thị.  
B. tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở thành thị cao hơn nông thôn.  
C. sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế và quy hoạch, mở rộng đô thị.  
D. cơ sở hạ tầng đô thị phát triển cao so với khu vực và thế giới.

**Câu 10. :** Phát biểu nào sau đây thể hiện tác động tích cực của quá trình đô thị hóa tới xã hội nước ta?

- A. Tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.      B. Cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường.  
C. Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.      D. Giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường đô thị.

**Câu 11.** Đô thị nước ta có khả năng tạo ra nhiều việc làm cho người lao động chủ yếu do

- A. có nhiều nhà đầu tư với năng lực vốn lớn.      B. hoạt động công nghiệp, dịch vụ phát triển.  
C. tập trung số lượng lớn lao động có trình độ.      D. cơ sở vật chất kỹ thuật, giao thông hiện đại.

**Câu 12.** Đô thị nước ta hiện nay có sự chuyển dịch cơ cấu lao động rõ rệt chủ yếu do

- A. công nghiệp phát triển, đô thị hóa mở rộng, thu hút nhiều loại vốn đầu tư.  
B. ngành nghề đa dạng, cơ sở hạ tầng tốt, thu hút lao động chất lượng cao.  
C. tập trung nhiều khu công nghiệp, tăng cường sự liên kết, hợp tác quốc tế.  
D. tập trung nhiều lao động, hấp dẫn đầu tư, nhu cầu tìm việc làm dễ dàng.

**Câu 13.** Thời Pháp thuộc, đô thị hóa **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Đô thị không có cơ sở để mở rộng.      B. Tỉnh, huyện được chia với quy mô nhỏ.  
C. Chức năng chủ yếu là hành chính và quân sự.      D. Đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa.

**Câu 14.** Ngành chăn nuôi nước ta hiện nay có sự thay đổi theo hướng gia tăng các sản phẩm qua chế biến, có nguồn gốc rõ ràng nhằm mục đích chủ yếu là

- A. đảm bảo an toàn, tăng nguồn đầu tư.      B. phục vụ xuất khẩu, tạo thương hiệu.  
C. mở rộng trang trại, phát triển thú y.      D. đáp ứng thị trường, nâng cao giá trị.

**Câu 15.** Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là

- A. phát huy các thế mạnh của vùng, thu hút lao động.
- B. thu hút các nguồn đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
- C. tăng cường hội nhập, nâng cao vị thế trung chuyên.
- D. xây dựng các cảng, phát triển tổng hợp kinh tế biển.

**Câu 16.** Sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay theo xu hướng

- A. giảm chế biến, tăng việc khai khoáng.
- B. giảm chăn nuôi, tăng ngành trồng trọt.
- C. tăng công nghiệp, giảm nông nghiệp.
- D. tăng ngành dịch vụ, giảm công nghiệp.

**Câu 17.** Việc phát huy thế mạnh của từng vùng trong tổ chức lãnh thổ kinh tế **không** nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Tăng cường hội nhập với thế giới.
- B. Đẩy mạnh phát triển kinh tế.
- C. Phân hóa sản xuất giữa các vùng.
- D. Đa dạng hóa thành phần kinh tế.

**Câu 18.** Ý nghĩa chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay là

- A. tăng tỉ trọng ngành nông nghiệp.
- B. tăng vai trò kinh tế nhà nước.
- C. đẩy mạnh phát triển kinh tế.
- D. thúc đẩy xuất khẩu lao động.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. HS trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai. (4,0 điểm)**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ TỈ LỆ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2008 - 2021

| Năm                       | 2008     | 2012     | 2018     | 2021     |
|---------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Tổng diện tích (Nghìn ha) | 13 118,8 | 13 862,0 | 14 491,3 | 14 745,2 |
| Tỉ lệ che phủ rừng (%)    | 38,7     | 40,7     | 41,7     | 42,6     |

- a) Diện tích rừng và tỉ lệ che phủ rừng tăng liên tục trong giai đoạn 2008 – 2021.
- b) Tỉ lệ che phủ rừng có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn so với tổng diện tích rừng.
- c) Diện tích rừng tăng lên chủ yếu do chủ trương đẩy mạnh trồng rừng của Nhà nước.
- d) Để thể hiện diện tích rừng, tỉ lệ che phủ rừng, biểu đồ miền là thích hợp nhất.

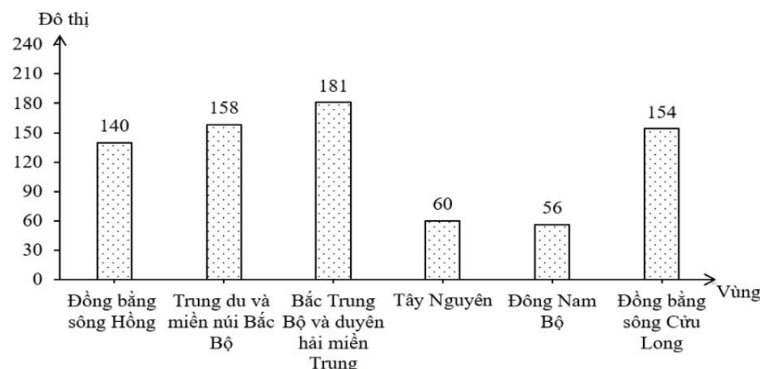
**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Dân số trung bình năm 2022 của cả nước ước tính 99,46 triệu người, tăng 957,3 nghìn người, tương đương tăng 0,97% so với năm 2021. Trong tổng dân số, dân số thành thị 37,35 triệu người, chiếm 37,6%; dân số nông thôn 62,11 triệu người, chiếm 62,4%; Tỷ số giới tính khi sinh là 111,6 bé trai/100 bé gái.

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

- a) Dân số trung bình của cả nước tăng.
- b) Nước ta có sự mất cân bằng giới tính khi sinh.
- c) Số dân ở nông thôn vẫn còn nhiều do quá trình công nghiệp hóa chưa mạnh.
- d) Dân số của nước ta đông làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế.

**Câu 3.** Cho biểu đồ:



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN SỐ LƯỢNG ĐÔ THỊ CỦA CÁC VÙNG Ở NƯỚC TA, NĂM 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

- a) Đông Nam Bộ là vùng có số đô thị thấp nhất nước ta.
- b) Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là vùng có số đô thị cao nhất nước ta.
- c) Số lượng đô thị không đồng đều giữa các vùng là do có sự khác nhau về trình độ phát triển kinh tế.
- d) Đồng bằng sông Cửu Long có số đô thị cao hơn Đồng bằng sông Hồng do có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời hơn.

**Câu 4. Cho bảng số liệu sau:**

**DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2021**

| Quốc gia                           | Lào     | Mi-an-ma | Thái Lan | Việt Nam |
|------------------------------------|---------|----------|----------|----------|
| Diện tích (nghìn km <sup>2</sup> ) | 230,8   | 652,8    | 510,9    | 331,3    |
| Dân số (nghìn người)               | 7 337,8 | 55 295,0 | 65 213,0 | 98 506,2 |

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Dân số Thái Lan đông nhất trong 4 quốc gia.
- b) Mật độ dân số của Việt Nam cao hơn Thái Lan.
- c) Diện tích Việt Nam gấp 3 lần diện tích của Lào.
- d) Mật độ dân số của Mi-an-ma cao nhất 4 nước.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. (1,5 điểm)**

**Câu 1.** Tổng diện tích rừng của nước ta năm 2021 là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng tự nhiên là 10,2 triệu ha. Tính tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên trong tổng diện tích rừng? (Làm tròn đến 1 chữ số thập phân của %)

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**LỰC LƯỢNG ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2022**

(Đơn vị: Nghìn người)

| Năm                | 2000   | 2005   | 2010   | 2015   | 2022   |
|--------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Lực lượng lao động | 38 545 | 44 905 | 50 474 | 54 266 | 51 705 |

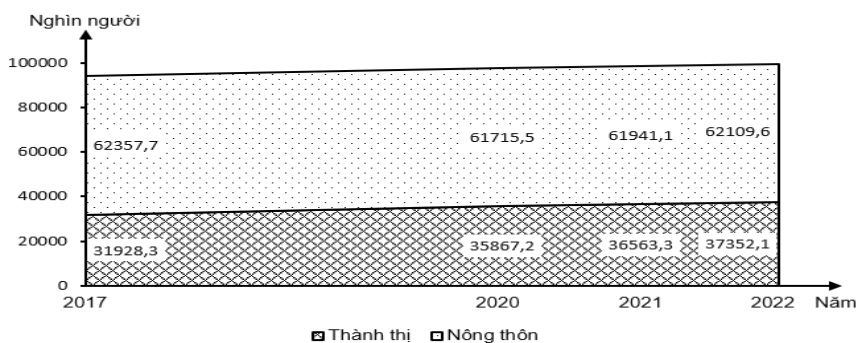
(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng số lao động của nước ta năm 2022 so với năm 2010 (coi số dân năm 2010 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

**Câu 3.** Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê Việt Nam: Năm 2022, dân số nước ta 99 468 nghìn người, số dân nông thôn là 62 122 nghìn người. Hãy cho biết năm 2022, tỉ lệ dân nông thôn nhiều hơn tỉ lệ dân thành thị bao nhiêu % (Kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 4.** Cho biểu đồ

**DÂN SỐ THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2017 - 2022:**



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

a) Theo biểu đồ, cho biết năm 2022 qui mô dân thành thị tăng bao nhiêu lần so với năm 2017. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai).

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CÁC TỈNH CÙNG TÂY NGUYÊN, NĂM 2022.**

| Tỉnh                         | Kon Tum | Gia Lai | Đắk Lắk | Đắk Nông | Lâm Đồng |
|------------------------------|---------|---------|---------|----------|----------|
| Diện tích (km <sup>2</sup> ) | 9677    | 15510   | 13070   | 6509     | 9781     |
| Dân số (Nghìn người)         | 580     | 1591    | 1918    | 671      | 1333     |

(Nguồn: Tổng cục Thống kê VN, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính mật độ dân số trung bình của vùng Tây Nguyên (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị người/km<sup>2</sup>).

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1943 - 2021**

(Đơn vị: triệu ha)

| <b>Năm</b>                       |             |             |             |
|----------------------------------|-------------|-------------|-------------|
| <b>Tiêu chí</b>                  | <b>1943</b> | <b>2010</b> | <b>2021</b> |
| <b>Tổng diện tích rừng</b>       | 14,3        | 13,4        | 14,7        |
| <b>- Diện tích rừng tự nhiên</b> | 14,3        | 10,3        | 10,1        |
| <b>- Diện tích rừng trồng</b>    | 0,0         | 3,1         | 4,6         |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết từ năm 1943 đến năm 2010, nước ta trồng được bao nhiêu triệu ha rừng? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu ha)

-----HẾT-----

*Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

Hoàng Mai, ngày 2 tháng 12 năm 2024  
TỔ (NHÓM) *TRƯỞNG*